|  |  |
| --- | --- |
| **Tuầ 27:** | ***Ngày soạn:***  ***Ngày dạy:*** |

**VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN  
(MỘT SINH HOẠT VĂN HOÁ)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

Củng cố cách làm một bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá) đã từng tham gia, từng được chứng kiến hoặc được đọc, xem, nghe qua sách báo, truyền hình, truyền thanh.

**2. Về năng lực:**

- Biết thuyết minh một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa) ở ngôi thứ nhất.

- Bước đầu biết viết văn bản thông tin thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá) đã từng tham gia, từng được chứng kiến hoặc được đọc, xem, nghe qua sách báo, truyền hình, truyền thanh.

- Biết tập trung vào diễn biến sự việc đã xảy ra.

**3. Về phẩm chất:**

- Yêu nước, tự hào về lịch sử và truyền thống văn hóa của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Hệ thống kiến thức và bài tập

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra bài cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Bài mới:**

**TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| GV: Em hãy nhắc lại khái niệm văn bản thuyết minh?  HS trả lời  **GV bổ sung:** Văn thuyết minh khác các loại văn bản khác chủ yếu ở tính chất thuyết minh, giới thiệu. Văn Thuyết minh không nặng về kể chuyện như văn Tự sự, không miêu tả chi tiết, tỉ mỉ như văn miêu tả, không biểu cảm mạnh mẽ như văn biểu cảm, cũng không lập luận như văn Nghị luận. Văn Thuyết minh trình bày, giải thích, giới thiệu khách quan, xác thực, rõ ràng về đối tượng cần thuyết minh.)  GV giới thiệu đặc điểm của văn bản thuyết minh.  GV:? Em đã được học mấy phương pháp thuyết minh? Đó là những phương pháp nào?  HS trả lời: Có 6 phương pháp thuyết minh: PP nêu định nghĩa, giải thích, PP liệt kê, Pp nêu ví dụ, PP dùng số liệu, PP so sánh, PP phân loại, phân tích.  **GV nhấn mạnh:** Phương pháp thuyết minh là cách thức người viết sử dụng trong bài văn thuyết minh. Khi làm bài văn thuyết minh, cần biết vận dụng linh hoạt các phương pháp thuyết minh để bài làm có sức thuyết phục và sâu sắc hơn. | **I. Khái niệm văn bản thuyết minh**  Văn bản thuyết minh là văn bản thông dụng dùng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức (kiến thức) về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân,… của các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích.  **II. Đặc điểm của văn thuyết minh:**  - Tính khách quan, chính xác, mang lại lợi ích cho con người phục vụ công việc và cuộc sống tốt nhất  - Trình bày văn bản rõ ràng, mạch lạc, đủ nội dung đúng ý, kết cấu phân chia rõ  - Người viết am hiểu về nội dung mình đang viết tới để trình bày đúng, đủ ý, truyền đạt cho những người đọc hiểu và sử dụng có ích.  **III. Các phương pháp thuyết minh**  Có 6 phương pháp thuyết minh:  **1. PP nêu định nghĩa, giải thích.**  Mô hình : A là B  + A : đối tượng cần thuyết minh.  + B: tri thức về đối tượng.  + Là: từ thường được dùng trong phương pháp định nghĩa  **2. PP liệt kê.**  + PP liệt kê là: kể ra lần lượt các đặc điểm, tính chất…của sự vật theo một trình tự nào đó.  + Vai trò: Giúp người đọc hiểu sâu sắc, toàn diện và có ấn tượng về nội dung được thuyết minh.  **3. PP nêu ví dụ.**  + PP nêu ví dụ là: Dẫn ra những ví dụ cụ thể để người đọc tin vào nội dung thuyết minh.  + Vai trò: Các ví dụ có thể có tác dụng thuyết phục người đọc, khiến người đọc tin.  **4. PP dùng số liệu.**  + PP dùng số liệu là: Dùng các số liệu chính xác để khẳng định độ tin cậy cao của các tri thức được cung cấp.  + Tác dụng: làm cho người đọc tin vào nội dung thuyết minh.  **5. PP so sánh.**  + PP so sánh là: đối chiếu hai đối tượng cùng loại nhằm làm nổi bật các đặc điểm, tính chất của đối tượng cần thuyết minh.  + Vai trò: làm nổi bật đặc điểm của đối tượng thuyết minh  **6. PP phân loại, phân tích.**  + PP phân tích là chia nhỏ đối tượng ra để xem xét, còn phân loại là chia đối tượng vốn có nhiếu cá thể thành từng loại theo tiêu chí.  + Tác dụng: Giúp cho người đọc hiểu dần từng mặt của đối tượng một cách có hệ thống, cơ sở để hiểu đối tượng một cách đầy đủ, toàn diện.  **IV. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một sự kiện ( một sinh hoạt văn hóa)**  - Xác định rõ người tường thuật tham gia hay chứng kiến sự kiện và sử dụng ngôi tường thuật phù hợp (Sử dụng ngôi kể thứ nhất: xưng “tôi” hoặc “chúng tôi”)  - Giới thiệu được sự kiện cần thuật lại, nêu được bối cảnh ( không gian và thời gian)  - Thuật lại được điễn biến chính, sắp xếp các trình tự theo một trình tự hợp lí.  - Tập trung vào một số chi tiết tiêu biểu, hấp dẫn, thu hút dược sự chú ý của người đọc.  - Nêu được cảm nghĩ, ý kiến của người viết về sự kiện.  **V. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  **a) Lựa chọn đề tài**  + Hãy nhớ lại một sự kiện ( một sinh hoạt văn hóa) mà em trực tiếp tham gia hoặc tìm hiểu, quan sát được qua các phương tiện thông tin.  + Có thể chọn một số đề tài sau: Hội chợ sách, hội chợ xuân ở thành phố, làng quê của em, lễ hội dân gian, hội khỏe phù đổng ở trường hoặc địa phương em.  **b) Tìm ý**  Sau khi lựa chọn được sự kiện định tường thuật. Hãy tìm ý cho bài viết bằng một số hoạt động sau:   |  | | --- | | Sự kiện gì? | | Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì ? | | Sự kiện xảy ra khi nào? ở đâu? | | Những ai đã tham gia sự kiện? Họ đã nói và làm gì? | | Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào? | | Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia vể sự kiện là gì? |   **c) Lập dàn ý**  - *Mở bài*: Giới thiệu sự kiện (Không gian, thời gian, mục đích tổ chức sự kiện).  - *Thân bài*: Tóm tắt diễn biến của sự kiện theo trình tự thời gian  + Những nhân vật tham gia sự kiện.  + Các hoạt động chính trong sự kiện ; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động.  + Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất  - *Kết bài*: Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết   * **2. Viết bài** * **3. Chỉnh sửa bài viết** |

**TIẾT 2: LUYỆN TẬP**

**Đề bài**: **Em hãy thuyết minh về một lễ hội/một sự kiện văn hóa để lại trong em nhiều ấn tượng đẹp đẽ nhất.**

- GV tháo gỡ bằng cách đặt thêm câu hỏi phụ:*Em biết những ngày lễ lớn nào ở nước ta ? Trong những ngày lễ đó thì ngày nào thường được tổ chức thành lễ hội? Em hãy nêu tên lễ hội đó? Lễ hội đó thường diễn ra ở ở đâu? Vào thời điểm nào? Diễn ra như thế nào?*

**Dàn ý thuyết minh về lễ hội đền Hùng**

*Lễ hội đền Hùng là lễ hội truyền thống lớn nhất của dân tộc Việt Nam, để ghi nhớ công ơn dựng nước của 18 vị vua Hùng.*

**I. Mở bài:**

-      Giới thiệu về lễ hội đền Hùng, dẫn dắt vào đề bài.

-      Hướng dẫn làm bài Cứ hàng năm, những người con dân tộc Việt luôn hướng về quê hương Phú Thọ thân yêu dịp 10/3 âm lịch để tưởng nhớ công ơn của các vua Hùng khi có công to lớn trong việc dựng nước và giữ nước từ hàng nghìn năm trước. Đây cũng là dịp mà lễ hội Đền Hùng- một trong những lễ hội lớn nhất của nước ta diễn ra và dù có đi đâu, ở đâu

con cháu Việt Nam đều muốn đến đây để thể hiện lòng biết ơn của mình.

**II. Thân bài:**

***1. Lịch sử lễ hội***

-       Đây là lễ hội đã có từ lâu đời

-       Từ thời Đinh, Lý, Tiền Lê, thời Trần, người dân cả nước đều tụ hội về đây lễ bái gửi lòng cảm tạ thành kính đến công ơn của mười tám đời vua Hùng.

-      Thời gian diễn ra mồng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm

      + Năm lẻ: Lễ hội được tổ chức bởi tỉnh Phú Thọ

      + Năm chẵn: Trung ương phối hợp với ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ và bộ văn hóa tổ chức

***2. Quy mô***

-      Đây được xem là quốc lễ vì vậy có quy mô cực kỳ lớn.

***3. Hình thức***

-     Về phần lễ:

      + Bao gồm lễ rước kiệu và lễ dâng hương

      + Lễ rước kiệu được diễn ra trong không khí đầy long trọng với cờ, lộng, hoa đầy màu sắc.

      + Đoàn đại biểu trung ương, tỉnh và thành phố tập trung tại một địa điểm cùng đoàn xã tiểu binh rước hoa long trọng tới chân núi Hùng.

+ Sau khi rước hoa đến đền, đoàn người kính cẩn dâng lễ vào thượng cung

+ Đại biểu đại diện bộ Văn hoá thay mặt cho lãnh đạo tỉnh và nhân dân cả nước trịnh trọng đọc chúc căn lễ tổ.

+ Lễ dâng hương là nghi thức mà mỗi người con đều mong muốn thắp lên đền thờ nén nhang thành kính, nhờ hương khói nói hộ tâm nguyện của lòng mình với tổ tiên.

Về phần hội:

      + Các trò chơi dân gian được diễn ra nhiều chọi gà, đu quay, đấu vật.

      + Dân ca diễn xướng, hát quan họ hay kịch nói được thi tài giữa các làng, các thôn.

**III. Kết bài**

-      Khái quát lại về lễ hội đền Hùng

-      Nếu cảm nghĩ của em về lễ hội

-      Hướng dẫn làm bài Lễ hội đền Hùng là một lễ hội lớn, là một trong những nét đẹp truyền thống của dân tộc ta, niềm tự hào với nguồn gốc con rồng cháu tiên. Đây cũng là một cơ hội để chúng ta bày tỏ lòng thành kính biết ơn đối với công lao của 18 đời vua Hùng. Chúng ta- những thế hệ sau phài có trách nhiệm gìn giữ nét đẹp truyền thống này, gìn giữ cội nguồn của chúng ta.

**TIẾT 3: LUYỆN TẬP ( Tiếp)**

**Đề bài: Thuyết minh về lễ hội Gióng**

**DÀN Ý CHI TIẾT**

**I. MỞ BÀI**

- Một lễ hội tôn giáo của làng Phù Đổng.

- Nét đẹp truyền thống của người dân nước Nam.

**II. THÂN BÀI**

**1. Nguồn gốc, xuất xứ**

Xuất phát từ truyền thuyết Thánh Gióng.

**2. Đặc điểm**

- Hội làng Phù Đổng hàng năm diễn ra ngày 9 tháng Tư âm lịch.

- Các làng trong tổng đều đến tế, tất cả đến trăm người của họ các làng mặc áo thụng xanh, đội mũ đen, đi hia đề trắng. Họ đứng thành hàng hai bên, tay cầm hốt ngả.

- Chủ tế đi từng bước nhịp nhàng hai tay chấp lại nâng cao chén rượu, có hai trợ tế đi theo, đến quỳ trước một trong các cửa của hậu cung.

-Nhạc hạ thấp dần gần như không nghe thấy nữa. Bỗng vang lên một tiếng ầm ầm và hai cánh cửa hậu cung bỗng nhiên hé mở ra. Bên trong tối om, bỗng hiện ra một nhân vật lạ lùng. Đầu chít một khăn đen dài bỏ xõa ra sau lưng, và quan lấy thân mình; nửa dưới mặt bịt vải vàng, thắt lại sau gáy chỉ để lộ đôi mắt.

- Nhân vật này đi ra quỳ xuống ngưỡng cửa hậu cung, nhận chén rượu trên một cái mâm đồng, rồi đi giật lùi dần vào hậu cung.

- Hai cánh cửa đóng lại từ từ. Mọi người phủ phục xuống lễ.

- Một giây yên lặng rồi nghe một tiếng chuông từ hậu cung vẳng ra. rượu đã dâng lên bàn thờ Thánh rồi, và nhạc lại cử, trong khi mọi người trở về chỗ chuẩn bị dâng lễ khác tiếp theo.

- Lễ cử hành nghiêm trang thành kính.

- Thật ngạc nhiên khi thấy những người nông thôn bình thường đã biến đổi lạ lùng vì tính cách long trọng của nghi thức. Vì cử chỉ của họ thường rụt rè bỗng đường hoàng khoáng đạt lên, thái độ của họ thường khúm núm, e dè bỗng trở thành cao quý trong khi hành lễ vì lòng biết ơn của người yêu nước.

- Tiếp đó là một nghi thức ảnh hưởng của Đạo giáo; con hổ tượng trưng cho điều ác và kẻ thù đến xin quy phục Đức Thánh.

Người đóng vai con hổ mặc áo vài vẽ vằn vện, đội cái đầu bằng giấy bồi có hai chục người hóa trang di theo, hát và gõ sênh. Hổ đến trước bàn thờ múa và phù phục hồi lâu...

- Tiếp theo là những cảnh diễn lại lịch :sử đánh trận giả, và đoàn tù binh diễu qua trước đền.

- Một trăm trai tráng đón quân Nam họ quấn vai màu đen quanh bụng, đóng khố bỏ thõng múi ra phía trước, cởi trần, chỉ khoác một dải vải hồng trên vai bên phải, buộc hai đâu lại ở bên sườn trái và buông thõng xuống; lại còn đeo cái túi lụa nhỏ hình bán nguyệt, có tua lụa dài. Đầu đội mũ đen, phía sau có rèm che gáy giống như là những tượng trong đền Lý Bát Đềở Đình Bảng.

- Bọn tướng giặc thì do hai mươi bốn cô gái đồng trinh đóng.

- Nhiều cô gái trong đám ấy đến mười tuổi. Mỗi cô đều mặc quần áo lụa màu sắc tươi thắm, đeo kiềng, hoa tai bằng vàng, mỗi làng được cử đến một cô và phải lo may mặc cho người của mình.

- Các cô chỉ đứng mỗi người trên một cái bệ hoàn toàn im lặng, không cử động, cách nhau độ 10 đến 15m; quanh họ là đám đàn bà làng họ.

- Hai mươi bốn cô xếp thành hàng trên mặt để phía trước đền rải dải đề cho đám rước diễu qua trước mặt.

- Bốn cô khác đóng vai bốn tướng giặc bị giết trong trận, một cô mặc áo vàng, đội mũ thái tử đóng vai con vua Trung Quốc.

- Một trăm quân sĩ nước Nam múa rất nhiều điệu thật dẻo và thật nhịp nhàng tiến thoái rất đẹp...

**3. Lễ hội nhắc nhở con cháu nhớ về người anh hùng dân tộc: Thánh Gióng.**

- Khơi gợi trong lòng con cháu Việt Nam lòng yêu nước và lòng biết ơn sâu sắc.

**III. KẾT BÀI**

Lễ hội Gióng là một trong những lễ hội truyền thống cần phải gìn giữ và phát huy.

**BÀI VĂN THAM KHẢO**

Cách Hà Nội 10km bên phải đường đi Bắc Ninh có một làng phù mật: Phù Đổng, Hội làng Phù Đổng hàng năm kỷ niệm một sự kiện lịch sử đã diễn ra trước công nguyên bốn thế kỷ. Đó là chiến thắng quân xâm lược của nước Văn Lang. Quân tiên phong của họ đã tiến đến Bắc Ninh; thua trận hoàng tử Trung Quốc là TchaoOuangvà bốn tướng bị giết, nghe tin giặc từ phương Bắc tràn xuống xâm phạm bờ cõi, Hùng Vương bèn sai Lý Công Dật cầm quân chống cự. Hai bên giao chiến ở hai mạn núi Tam Lung và Lý Công Dật thua phải rút về Long Đô, rồi tự sát. Cả nước lo sợ, nhà vua phải phái sứ đi triệu tập hiền tài.

Ở Phù Đổng có ông lão nghèo sáu mươi tuổi sinh được đứa con đã ba tuổi mà chỉ im không biết ngồi, không nói cũng không cười, tương truyền là bà mẹ đã có thai vì đã đem chân mình ướm lên một lốt chân to lớn khi đi qua Bến Tàu (Thị Cầu).

Nghe mẹ than phiền vì mình vô dụng, chú bé bỗng biết nói và bảo mẹ mời sứ giả vào, xin nhà vua cho đánh giặc, cho con ngựa sắt nghìn cân. chiếc roi sắt trăm cân. Khi ngựa đem đến chú bé không bằng lòng vì ngựa rỗng, không có gan ruộ bất phải đánh thêm cho đủ.

Xong cậu mới đòi ăn, mẹ không chạy đủ, cả làng phải mang cơm gạo đến, ăn suốt hai ngày thì cao to lớn lên phi thường, cậu bé bèn lên ngựa cầm roi đi đánh giặc. Hai anh em họ Nguyễn ở Nghiêm Xá đang cày cũng bó trâu vác cày chạy theo.

Hùng Vương cùng cho hoàng tử thứ chín là Long Sơn và thứ mười là Uy Sơn theo Gióng đánh giặc. Quân Văn Lang chia làm ba đạo, mỗi đạo ba vạn đường. Đánh nhau to ở chân núi Trâu. Hoàng tử Trung Quốc và bốn tướng bị giết, quân giặc bị đuổi chạy dài. Hai mươi bốn tướng khác nhau bị bắt, thề không sang đánh Văn Lang nữa, đều được tha về. Hoàng tử Trung Ọuổc chết thì chôn ở chân núi Vệ Linh, nay còn mả.

Giữa trận đánh, roi sắt bị gãy, Gióng bèn nhổ tre đánh tiếp. Thắng xong, Gióng phi ngựa về phía Kim Anh, tới núi Vu Linh cởi áo giáp treo lên cành cây, vứt bụi tre lại, rồi bay lên trời, còn để lại lốt chân của mình trên đá ở đỉnh núi.

Con ngựa thì tự mình chạy về Đông Vi. Nơi ngựa dừng lại nay là làng Phù Ninh, đó có đền thờ. Nơi sinh Thánh cũng có đền, tại chỗ nền nhà cũ có bia đá. Năm 1020 nhà Lý lập hai đền thờở Phù Đổng và ở sườn núi Vu Linh, ở đó có tượng.

Đen Phù Đổng gồm ba lớp, trong cùng là hậu cung, cột gỗ to, mái cong vút, rồng trên nóc vảy đều toàn là bằng mảnh sứ xanh.

Đường đi từ cổng đền đến hậu cung lát đá cẩm thạch đen đẽo thô sơ nhưng những bước chân của thiện nam tín nữ bao đời đã làm cho nhẵn bóng, cổng đồ sộ ba cửa, lợp mái rộng. Kinh lược sử Bắc Kỳ vừa tu bổ và có bia. Hai bên cổng phía trong có hai sư tử đá. Phía ngoài là một đôi rồng năm móng. Trước cửa giữa có một con rùa đá cao hơn mặt đất một chút.

Hội làng Phù Đổng hàng năm diễn ra ngày 9 tháng Tư âm lịch.

Các làng trong tổng đều đến tế, tất cả đến trăm người của họ các làng mặc áo thụng xanh, đội mu đen, đi hia để trắng. Họ đứng thành hàng hai bên, tay cầm hốt ngà.

Đàn sáo dịu dàng không thể tưởng tượng được, hài hòa làm một cách bất ngờ. Chủ tế đi từng bước nhịp nhàng hai tay chắp lại nâng cao chén rượu, có hai trợ tế đi neo, đến quỳ trước một trong các cửa cùa hậu cung. Nhạc hạ thấp dần gần như không nghe thấy nữa. Bỗng vang lên một tiếng ầm ầm và hai cánh cửa hậu cung bỗng nhiên hé mờ. Bên trong tối om, bỗng hiện ra một nhân vật lạ lùng. Đầu chít một khăn đen dài bó ra sau lưng và quấn lấy thân mình; nửa dưới mặt bịt vái vàng, thắt lại sau gáy chỉ để lộ đôi mắt. Nhân vật ấy đi ra quỳ xuống ngưỡng cửa hậu cung, nhận chén rượu trên một cái mâm đồng, rồi đi giật lùi dần vào hậu cung. Hai cánh cửa đóng lại từ từ. Mọi người phủ phục xuống lễ. Một giây yên lặng rồi nghe một tiếng chuông từ hậu cung vẳng ra, rượu đà dâng lên bàn thờ Thánh rồi, và nhạc lại cử, trong khi mọi người trở về cho chuẩn bị dâng lễ khác tiếp theo.

Lễ cử hành nghiêm trang thành kính. Chắc chắn là chưa bao giờ có lễ mi-xa nào của giáo hoàng cử hành mà người dự lễ yên tĩnh chú ý hơn, mà có những người trợ tế thấm nhuần sâu sắc hơn phận sự đáng kính của họ và việc làm thiêng liêng của họ hơn. Thật ngạc nhiên khi thấy những người nông thôn bình thường đã biến đổi lạ lùng vì tính cách long trọng của nghi thức, và cử chỉ cua họ thường rụt rè bỗng đường hoàng khoáng đạt lên, thái độ của họ thường khúm núm, e dè bỗng trở thành cao quý trong khi hành lễ vì lòng biết ơn của người yêu nước.

**3. Củng cố:**

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

**4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:**

* Học bài, nắm chắc kiến thức văn bản và kiến thức Tiếng Việt vừa ôn tập
* Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau:

**Tuần 28**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: NGHĨA CỦA TỪ, THÀNH NGỮ, ĐIỆP NGỮ**

**I. CỦNG CỐ LÝ THUYẾT:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về nghĩa của từ, thành ngữ, BPTT điệp ngữ.**  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức** | 1. **Nghĩa của từ:**   **1. Nghĩa của từ là nội dung mà từ biểu thị.**  **VD:**  ***- Thủy phủ:*** *Dinh dự dưới nước,nơi ở của thủy thần.*  ***- Sinh nhai:*** *Kiếm sống.*  **2. Hiểu nghĩa của từ bằng cách:**  - Tra từ điển;  - Suy đoán nghĩa của từ nhờ nghĩa của những yếu tố tạo nên nó.  **VD: gia tài.**  + gia: nhà  + tài: của cải.  **-** Dựa vào từ ngữ xung quanh để suy đoán nghĩa.  **II. Thành ngữ:**  -  Thành ngữ là loại cụm từ cố định biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.   - Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thông qua một số phép chuyển nghĩa giữ ẩn dụ, so sánh .  **III. Điệp ngữ:**  **a. Khái niệm:** *Điệp ngữ* là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu)  **b. Tác dụng**: làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh, tăng ự gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  **c. Các kiểu điệp ngữ:** Điệp ngữ có 3 dạng:  + Điệp ngữ nối tiếp: là các từ ngữ được điệp liên tiếp nhau, tạo ấn tượng mới mẻ, có tính chất tăng tiến.  + Điệp ngữ cách quãng  + Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng)  Ví dụ:Một bầy gà mà bươi trong bếp  Chết ba con hỏi còn mấy con |

1. **LUYỆN TẬP:**

**Bài tập 1:**

**Em hãy dựa vào hiểu biết của mình đẻ giải thích nghĩa của các từ sau: gia cảnh, gia bảo, gia chủ, gia dụng, gia đạo, gia sản.**

**Hướng dẫn làm bài**

- Gia cảnh: Gia là nhà, cảnh là cảnh ngộ, hoàn cảnh. Gia cảnh là hoàn cảnh khó khăn của gia đình.

- Gia bảo: Gia là nhà, bảo là bảo vật, bảo bối. Gia bảo là báu vật của gia đình.

- Gia chủ: Gia là nhà, chủ là người đứng đầu. Gia chủ là chủ nhà.

- Gia dụng: Gia là nhà, dụng là vật dụng, đồ dùng. Gia dụng là đồ dùng vật trong trong gia đình.

- Gia đạo: Gia là nhà, đạo là đạo lý. Gia đạo là lề lối, phép tắc trong gia đình.

- Gia sản: Gia là nhà, sản là tài sản. Gia sản là tài sản của gia đình.

**Bài tập 2:**

**Hãy tìm một số thành ngữ trong các truyện cổ tích và truyền thuyết mà các em đã học trong Bài 6 và 7 chương trình ngữ văn 6.**

**Hướng dẫn làm bài**

GV hướng dẫn HS tìm các thành ngữ trong các văn bản đã học và hướng dẫn các em giải thích.

Ví dụ:

+Hô mưa gọi gió: người có sức mạnh siêu nhiên, có thể làm được những điều kỳ diệu, to lớn

+Oán nặng thù sâu: sự hận thù sâu sắc, khắc cốt ghi tâm, ghi nhớ ở trong lòng, không bao giờ quên được.

*- Niêu cơm Thạch Sanh*: niêu cơm ăn không bao giờ hết, suy rộng ra là nguồn cung cấp vô hạn.

- *Hiền như cô Tấm*: rất hiền.

- *Thạch Sùng còn thiếu mẻ kho*: Trên đời khó có ai được hoàn toàn đầy đủ.

...

**Bài tập 3:**

**Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu văn sau và nêu tác dụng:**

*a. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hét lại đầy.*

*b. Chim bay mãi, bay mãi, qua bao nhiêu là miền, hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả.*

**Hướng dẫn làm bài**

a. Biện pháp tu từ: điệpngữ ( ăn mãi được lặp lại 2 lần)

-Tác dụng của biện pháp tu từ:

+ Niêu cơm thần kì với lời thách đố của Thạch Sanh và sự thua cuộc của quân sĩ 18 nước chư hầu chứng tỏ thêm tính chất kì lạ của niêu cơm với sự tài giỏi của Thạch Sanh.

+ Niêu cơm thần tượng trưng cho tấm lòng nhân đạo, tư tưởng yêu hoà bình của nhân dân ta.

+ Niêu cơm thần tượng trưng cho lòng nhân đạo yêu hoà bình.

b. Biện pháp tu từ: điệp ngữ ( bay mãi ( 2 lần), hết ( 2 lần), đến ( 2 lần)).

Tác dụng của biện pháp tu từ: Tăng sức gợi hình cho câu văn, thể hiện sự bao la, rộng lớn với những nơi mà chim thần bay qua.

**3. Củng cố:**

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

**4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:**

* Học bài, nắm chắc kiến thức văn bản và kiến thức Tiếng Việt vừa ôn tập

Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: ***Viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại truyện cổ tích.***

## THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: TRẠNG NGỮ, NGHĨA CỦA TỪ

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **-**  Giáo viên tổ chức cho học sinh ôn tập lại kiến thức bằng hình thức đặt câu hỏi, hỏi nhanh đáp gọn  - GV chốt kiến thức: | **1. Khái niệm**  ***Trạng ngữ*** là thành phần phụ của câu, xác định **thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức** **.**.. của sự việc nêu ở trong câu.  ***Trạng ngữ*** trả lời cho các câu hỏi **Khi nào ?, Ở đâu ?, Vì sao ?, Để làm gì ?.**  - Về vị trí của trạng ngữ trong câu: Đầu câu, giữa hoặc cuối câu.  **2. Nêu đặc điểm của trạng ngữ**  \* Về ý nghĩa: Trạng ngữ được thêm vào câu để xác định:  **- Thêm trạng ngữ chỉ thời gian cho  câu.**     Trạng ngữ chỉ thời gian dùng để xác định thời gian diễn ra sự việc nêu ở trong câu. Trạng ngữ chỉ thời gian trả lời cho các câu hỏi **Bao giờ ?, Khi nào ?, Mấy giờ? .**  VD: Buổi sáng hôm ấy, mùa đông đột nhiên đến, không báo cho biết trước.  **- Thêm trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu.**    Trạng ngữ chỉ nơi chốn để làm rõ nơi chốn diễn ra sự việc nêu trong câu. Trạng ngữ chỉ nơi chốn trả lời cho câu hỏi **Ở đâu ? .**  VD : Trên bờ, tiếng trống càng thúc dữ dội.  -**Thêm trạng ngữ chỉ nguyên nhân cho câu.**    Trạng ngữ chỉ nguyên nhân để giải thích nguyên nhân của sự việc hoặc tình trạng nêu trong câu. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân  trả lời các câu hỏi **Vì sao ?, Nhờ đâu ?, Tại đâu ?**.  VD: Nhờ học giỏi, Nam được cô giáo khen.  **- Thêm trạng ngữ chỉ mục đích cho câu.**    Trạng ngữ chỉ mục đích nói lên mục đích tiến hành sự việc nêu trong câu. Trạng ngữ chỉ mục đích trả lời cho các cau hỏi**Để làm gì ?, Nhằm mục đích gì ?, Vì cái gì ?.**  VD: Nhằm giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh, các trường đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực.  **- Thêm trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu.**  Trạng ngữ chỉ phương tiện thường mở đầu bằng các từ bằng, với, và trả lời cho các câu hỏi Bằng cái gì ?,  Với cái gì ? .  VD : Bằng một giọng thân tình, thầy khuyên chúng em cố gắng học cho tốt  \* Về hình thức: Trạng ngữ có thể đứng ở giữa câu, đầu câu hay cuối câu.  Vd:  - Qua màng nước mắt, tôi nhìn theo mẹ và em trèo lên xe. ( Khánh Hoài)  -Tôi, qua màng nước mắt, nhìn theo mẹ và em trèo lên xe.  **3. Trạng ngữ có những công dụng gì?**  - Xác định hoàn cảnh, điều kiện diễ ra sự việc nêu trong câu, góp phần làm cho nội dung câu được đầy đủ, chính xác  - Nối kết các câu, các đoạn với nhau, góp phần làm cho đoạn văn, bài văn được mạch lạc |

**LUYỆN TẬP VỀ TRẠNG NGỮ, NGHĨA CỦA TỪ**

**Bài tập 1**

**Tìm các trạng ngữ có trong câu sau và cho biết có thể lược bỏ chúng không? Tại sao?**

a. Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng- những màu vàng rất khác nhau.

b. Hôm qua, ai làm trực nhật.

* Thưa cô, hôm qua, em làm trực nhật ạ!

c. Chiều chiều, khi mặt trời gần lặn, chú tôI lại đánh một hồi mỏ rồi tung thóc ra sân.

**Hướng dẫn làm bài:**

a. Mùa đông, giữa ngày mùa, làng quê toàn màu vàng- những màu vàng rất khác nhau.

b– Hôm qua, ai làm trực nhật.

* Thưa cô, hôm qua, em làm trực nhật ạ!

c. Chiều chiều, khi mặt trời gần lặn, chú tôI lại đánh một hồi mỏ rồi tung thóc ra sân.

`

( => TN tuy là thành phần phụ nhưng có tác dụng bổ sung ý nghĩa cho sự việc được nói tới trong câu và có giá trị thông tin nhất định. Do đó trạng ngữ trong các câu a,c ý 1 câu b không thể lược bỏ, chỉ có thể bỏ trạng ngữ ở ý 2 câu b( Hôm qua, em làm trực nhật ạ!) vì ý nghĩa thời gian đã được người nói và người nghe biết trước.)

**Bài tập 2**

**Xác định ý nghĩa của trạng ngữ trong những câu sau:**

a) Nhà bên, cây cối trong vườn trĩu quả.

b) Con chó nhà tôi chết bởi ngộ độc thức ăn.

c) Tôi tiến bộ nhờ sự giúp đỡ của anh.

d) Một cây súng Mát với ba viên đạn, Kơ Long bám gót giặc từ sáng đến trưa.

***( Nguyễn Trung Thành)***

e) Rít lên một tiếng ghê gớm, chiếc “ Mích” vòng lại***. ( Nguyễn Đình Thi)***

g) Nhưng cũng như trước một chuyến đi xa, trong lòng con không có mối bận tâm nào khác ngoài chuyện ngày mai thức dạy cho kịp giờ.

h) Mọi ngày, khi con đã ngủ, mẹ dọn dẹp nhà cửa. ***( Lí Lan)***

i) Nhìn con ngủ một lát rồi mẹ đi xem lại những thứ đã chuẩn bị cho con.

***( Lí lan)***

**Hướng dẫn làm bài:**

a) Nhà bên, cây cối trong vườn trĩu quả. ( ***TN chỉ nơi chốn***)

b) Con chó nhà tôi chết bởi ngộ độc thức ăn.( ***TN chỉ Nguyên nhâ***n)

c) Tôi tiến bộ nhờ sự giúp đỡ của anh. ( ***TN chỉ nguyên nhân***)

d) Một cây súng Mát với ba viên đạn, Kơ Long bám gót giặc từ sáng đến trưa.( nguyễn trung Thành) ( ***TN chỉ phương tiện***)

e) Rít lên một tiếng ghê gớm, chiếc “ Mích” vòng lại. ( nguyễn Đình Thi) - ***TN chỉ trạng thái.***

g) Nhưng cũng như trước một chuyến đi xa, trong lòng con không có mối bận tâm nào khác ngoài chuyện ngày mai thức dạy cho kịp giờ.

( Lí Lan) - ***TN chỉ sự so sánh***.

h) Mọi ngày, khi con đã ngủ, mẹ dọn dẹp nhà cửa. ( Lí Lan) - ***TN thời gian,*** cách thức.

i) Nhìn con ngủ một lát rồi mẹ đi xem lại những thứ đã chuẩn bị cho con. ( Lí lan) – TN chỉ cách thức.

**Bài tập 3**

**Thêm vào các câu sau một trạng ngữ thích hợp:**

* 1. Bạn lan được cô giáo khen.
  2. Cây cối đâm chồi nảy lộc.
  3. Em làm sai mất bài toán cuối.
  4. Tất cả học sinh đều chăm chú lắng nghe.

**Hướng dẫn làm bài:**

a. Bạn lan được cô giáo khen. ( Hôm nay)

b. Cây cối đâm chồi nảy lộc. ( MX)

c. Em làm sai mất bài toán cuối. ( Vì không chú ý)

d. Tất cả học sinh đều chăm chú lắng nghe. ( Trong giờ học toán)

**Bài tập 4**

**Tìm trạng ngữ trong các câu sau và cho biết tên các loại trạng ngữ:**

a) Thỉnh thoảng, tôi lại về thăm Ngoại.

b) Trước cổng trường, từng tốp các em nhỏ tíu tít ra về.

c) Cô bé dậy thật sớm thổi giúp mẹ nồi cơm vì muốn mẹ đỡ vất vả.

d)  Để xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ, chúng ta phải học tập và rèn luyện thật tốt.

e) Với giọng nói từ tốn, bà kể em nghe về tuổi thơ của bà.

**Hướng dẫn làm bài:**

- Cho học sinh nhắc lại kiến thức về trạng ngữ.

- Giáo viên hướng dẫn học sinh đặt câu hỏi:

a) Khi nào tôi về thăm ngoại ? *(thỉnh thoảng - TN chỉ thời gian);*

b) Từng tốp các em nhỏ tíu tít ra về ở đâu? *(Trước cổng trường - TN chỉ nơi chốn);*

c) Vì sao cô bé dậy thật sớm thổi giúp mẹ nồi cơm? *(vì muốn mẹ đỡ vất vả - TN chỉ nguyên nhân);* Nhiều học sinh không xác định “vì muốn mẹ đỡ vất vả” là trạng ngừ mà coi đó là vị ngữ.

+  Chúng ta phải học tập và rèn luyện thật tốt để làm gì ? *(Để xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ - TN chỉ mục đích)*

+ Bà kể em nghe về tuổi thơ của bà với cái gì ? *(Với giọng nói từ tốn - TN chỉ phương tiện)*

**Kết quả trạng ngữ được gạch chân như sau:**

a) Thỉnh thoảng, tôi lại về thăm Ngoại.

b) Trước cổng trường, từng tốp các em nhỏ tíu tít ra về.

c) Cô bé dậy thật sớm thổi giúp mẹ nồi cơm vì muốn mẹ đỡ vất vả.

d)  Để xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ, chúng ta phải học tập và rèn luyện thật tốt.

e) Với giọng nói từ tốn, bà kể em nghe về tuổi thơ của bà.

**Bài tập 5**

Đặt mỗi câu có một trong các trạng ngữ sau: trạng ngữ chỉ thời gian, trạng ngữ chỉ nơi chốn, trạng ngữ chỉ nguyên nhân, trạng ngữ chỉ mục đích, trạng ngữ chỉ phương tiện và trạng ngữ chỉ cách thức diễn ra sự việc.

**Hướng dẫn làm bài:**

**Đặt câu:**

- Trạng ngữ chỉ thời gian: Mùa hè, khi hoa phượng nỏ đỏ rực những khu phố, tôi lại chuẩn bị một chuyến hành trình mới.

- Trạng ngữ chỉ nơi chốn: Trước con ngõ nhỏ, một cây gạo không biết có tự bao giờ, nở rực đỏ.

- Trạng ngữ chỉ nguyên nhân: Vì trời mưa rất lớn, con đường này đã bị cấm lưu thông.

- Trạng ngữ chỉ mục đích: Chúng tôi nỗ lực hết mình, làm việc ngày đêm để hoàn thành dự án này kịp thời.

- Trạng ngữ chỉ phương tiện: Tôi đến trường bằng xe buýt.

- Trạng ngữ chỉ cách thức diễn ra sự việc: Chúng tôi đã xem xét sự việc này và đưa ra kết luận một cách cẩn trọng và công khai.

**3. Củng cố:**

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

**4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:**

* Học bài, nắm chắc kiến thức văn bản và kiến thức Tiếng Việt vừa ôn tập

............................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **Tuần 29** | ***Ngày soạn: / /2022***  ***Ngày dạy: / /2022*** |

**VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- HS biết chọn một hiện tượng (vấn đề) để trình bày ý kiến của bản thân bằng một bài viết được thực hiện theo các bước của quy trình viết bài bản.

- Bài viết bảo đảm các đặc trưng của kiểu bài nghị luận, dùng lí lẽ, bằng chứng, có phương thức biểu đạt phù hợp.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực nhận biết, phân tích, trình bày ý kiến của bản thân bằng bài nghị luận về một hiện tượng, vấn đề

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức đời sống vào bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Bảng giao Nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra bài cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Bài mới:**

**TIẾT 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **GV hướng dẫn HS củng cố những kiến thức cơ bản về** bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng ( vấn đề)  **- Hình thức vấn đáp.**  **- HS trả lời.**  **- GV chốt kiến thức** | **I. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng ( vấn đề)**  - Nêu được hiệ tượng, vấn đề cần bàn  - Thể hiện được ý kiến của người viết  - Dùng lý lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đọc.  **II. Các bước khi làm bài văn nghị luận về một hiện tượng (vấn đề) trong cuộc sống:**  **a. Trước khi viết**  - Lựa chọn đề tài: Đề tài có thể được ấn định ( Đề kiểm tra, đề thi) hoặc do người viết tự lựa chọn.  **- Tìm ý**  + Cần hiểu thế nào là hiện tượng vấn đề này  + Những khía cạnh cần bàn bạc  + Bài học cần rút ra từ vấn đề bàn luận.  **- Lập dàn ý**  Sắp xếp các ý vừa tìm được thành một dàn ý:  **\* Mở bài:** Giới thiệu hiện tượng, vấn đề cần bàn luận  **\* Thân bài:** Đưa ra ý kiến cần bàn luận:  + Nêu ý 1 ( Lý lẽ, bằng chứng)  + Nêu ý 2 ( Lý lẽ, bằng chứng)  + Nêu ý 3 ( Lý lẽ, bằng chứng)  ...  **\* Kết bài:** Khẳng định lại ý kiến của bản thân  **b. Viết bài**  Bám sát dàn ý để viết bài. Khi viết cần chú ý:  - Có thể mở bài trực tiếp: Nêu thẳng hiện tượng ( vấn đề), hoặc mở bài gián tiếp bằng cách kể một câu chuyện ngắn để giới thiệu hiện tượng ( vấn đề)  - Mỗi ý trong bài trình bày thành một đoạn văn, có lí lẽ và bằng chứng cụ thể.  **c. Chỉnh sửa bài viết**  Đọc lại bài viết, rà soát từng phần, từng đoạn để chỉnh sửa theo gợi ý sau đây:   * Nêu được hiện tượng, vấn đề cần bàn * Thể hiện được ý kiến, tình cảm, thái độ cách đánh giá của người viết về hiện tượng, vấn đề * Đưa ra được các lý lẽ và bằng chứng để bài viết có sức thuyết phục. * Đảm bảo các yêu cầu về chính tả và diễn đạt |

**TIẾT 2: LUYỆN TẬP**

**Đề bài 1: Hiện tượng nghiện game ở học sinh hiện nay.**

**I. MỞ BÀI**

Dẫn dắt, giới thiệu hiện tượng nghiện game của học sinh trong xã hội hiện nay. Khái quát suy nghĩ, nhận định của bản thân về vấn đề này (nghiêm trọng, cấp thiết, mang tính xã hội,…)

**II.THÂN BÀI**

**1. Giải thích:**

+ Game là gì? => Cách gọi chung của các trò chơi điện tử có thể tìm thấy trên các thiết bị như máy tính, điện thoại di động,… nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí của con người ngày nay.  
+ Nghiện là gì? =>Là trạng thái tâm lý tiêu cực gây ra do việc quá phụ thuộc hoặc sa đà quá mức vào một thứ gì đó có thể gây ảnh hưởng xấu đến người sử dụng hoặc thường xuyên tiếp xúc nó.  
+ Nghiện game là gì? => Là hiện tượng tập trung quá mức vào trò chơi điện tử dẫn đến những tác hại không mong muốn.  
**2. Thực trạng:**+ Nhiều học sinh, sinh viên dành phần lớn thời gian mỗi ngày cho việc chơi game.  
+ Nhiều tiệm net vẫn hoạt động ngoài giờ cho phép do nhu cầu chơi game về đêm của học sinh.  
+ Ngày càng nhiều hậu quả tiêu cực xảy ra trong xã hội có liên quan đến nghiện game  
**3. Nguyên nhân:**+ Các trò chơi ngày càng đa dạng, phong phú và nhiều tính năng thu hút giới trẻ.  
+ Lứa tuổi học sinh chưa được trang bị tâm lý vững vàng, dễ bị lạc mình trong thế giới ảo.  
+ Nhu cầu chứng tỏ bản thân và ganh đua với bè bạn do tuổi nhỏ.  
+ Phụ huynh và nhà trường chưa quản lý học sinh chặt chẽ.  
**4. Hậu quả:**+ Học sinh bỏ bê việc học, thành tích học tập giảm sút.  
+ Ảnh hưởng đến sức khỏe, tâm lí, hao tốn tiền của.  
+ Dễ bị lôi kéo vào tệ nạn xã hội.  
- Lời khuyên:  
+ Bản thân học sinh nên tự xây dựng ý thức học tập tốt, giải trí lành mạnh.  
+ Cần có biện pháp giáo dục, nâng cao ý cho học sinh đồng thời tuyên truyền tác hại của việc nghiện game trong nhà trường, gia đình và xã hội.  
+ Các cơ quan nên có biện pháp kiểm soát chặt chẽ vấn đề phát hành và phổ biến game.  
**III. KẾT BÀI**

- Khẳng định lại vấn đề (tác hại của nghiện game online, vấn đề nghiêm trọng cần giải quyết kịp thời,…).  
- Đúc kết bài học kinh nghiệm, đưa ra lời kêu gọi, nhắn nhủ.

**Đề bài 2: Bắt nạt học đường.**

**I. Mở bài:** Giới thiệu về bắt nạt học đường.

- Là vấn nạn hiện nay trong xã hội

- Tình trạng ngày càng lan rộng hơn đặc biệt trong thời đại công nghệ số

**II. Thân bài:**

**1.Giải thích vấn đề**

- Bắt nạt học đường là những hành vi thô bạo, thiếu đạo đức với bạn mình.

- Cách cư xử thiếu văn minh, không có giáo dục của thế hệ học sinh.

- Xúc phạm đến tinh thần và thể xác người khác, gây ảnh hưởng nghiêm trọng.

- Hành vi này càng ngày càng phổ biến.

**2. Hiện trạng.**

- Lăng mạ, xúc phạm, chửi bậy đối với người khác.

- Làm tổn thương đến tinh thần bạn bè.

- Học sinh có thái độ không đúng với thầy cô.

**3. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng băt nạt học đường:**

- Do ảnh hưởng của môi trường bạo lực, thiếu văn hóa.

- Chưa có sự quan tâm từ gia đình.

- Sự phát triển chưa toàn diện của học sinh.

**4. Hậu quả của bắt nạt học đường:**

***a. Với người bị bạo lực:***

- Bị ảnh hưởng về tinh thần và thể chất.

***b. Với người gây ra bạo lực:***

- Phát triển không toàn diện.

- Mọi người chê trách.

- Mất hết tương lai, sự nghiệp.

**5. Cách khắc phục nạn bắt nạt học đường:**

- Nhà trường cần nâng cao nhận thức và dạy bảo học sinh hiệu quả nhất.

- Cha mẹ nên chăm lo và quan tâm đến con cái.

- Tự bản thân có trách nhiệm xa lánh tình trạng bắt nạt học đường.

**III. Kết bài:** Nêu cảm nghĩ của em về bắt nạt học đường.

- Đây là một hành vi không tốt.

- Em sẽ làm gì để ngăn chặn tình trạng này.

**TIẾT 3: LUYỆN TẬP ( Tiếp)**

**Đề bài 3: Suy nghĩ của em về hiện tượng nói chuyện riêng trong giờ học.**

**Hướng dẫn làm bài**

**A. MỞ BÀI:**

- Giới thiệu hiện tượng

- Nhấn mạnh hậu quả của bệnh -> Là một căn bệnh vô cùng khó chữa.

**B. THÂN BÀI:**

**1. Giải thích thế nào là nói chuyện riêng trong giờ học:**

Nói chuyện riêng trong giờ học tức là học sinh nói, bàn bạc và thảo luận về những vấn đề không liên quan đến những gì giáo viên đang giảng dạy trên lớp, chẳng hạn như: “bộ phim hôm qua kết thúc như thế nào”, “kiểu tóc mới của mình ra sao”...

**2. Thực trạng của hiện tượng:**

Tình trạng nói chuyện riêng trong các giờ học của học sinh hiện nay diễn ra nhiều và ngày càng gia tăng. Chúng ta không lạ gì với việc hai, ba bạn học sinh ngồi chung một bàn hay ngồi bàn trên bàn dưới thậm chí ngồi cách xa mấy bàn bàn tán với nhau một bạn, một sự việc nào đó, hay chỉ đơn giản nói về đôi giày của bạn nam, chiếc nơ buộc tóc của bạn nữ...Những câu chuyện không thành chuyện đó vẫn xảy ra hàng ngày trong các tiết học và dường như đã trở thành “chuyện thường ngày” ở hầu hết các trường học, lớp học ở nước ta.

**3. Nguyên nhân:**

- Hành vi này là sự kết hợp giữa những học sinh đã đánh mất đi lòng tự trọng, họ không tôn trọng người khác và chính bản thân mình.

- Thiếu tinh thần tự giác trong học tập, không hững thú say mê trong việc học, không xác định được mục đích đúng đắn của việc học tập: học để có kiến thức, với họ đến lớp chỉ là điểm danh có mặt, buôn chuyện...

- Do môn học, bài học, phương pháp dạy của giáo viên chưa hay, chưa cuốn hút học sinh, khiến học sinh không hứng thú với việc học...

**4. Tác hại:**

Nói chuyện – hiện tượng nhiều em coi đó là bình thường, lại ẩn chứa những tác hại nghiêm trọng, nó ảnh hưởng không nhỏ tới bản thân và những người xung quanh.

- Nói chuyện riêng trong lớp tác hại đầu tiên là các em đã đánh mất lợi ích của cá nhân mình, vì nó khiến các em không thể tiếp thu hết kiến thức trên lớp mà thầy cô giảng, các em sẽ bỏ lỡ một phần hoặc tất cả những kiến thức mà thầy cô giảng dạy. Bởi bộ não của con người chỉ hoạt động có mức độ và phạm vi nhất định, nên ta không thể vừa nghe giảng lại vừa hăng say nói chuyện riêng được. Nếu các em không hiểu bài trên lớp thì về nhà không làm bài tập được, vì thế lực học giảm sút, dần sẽ mất gốc kiến thức.

- Hơn nữa thói quen nói chuyện riêng trong lớp lại gây ảnh hưởng không tốt tới bạn bè và thầy cô. Các em thử nghĩ mà xem khi bạn mình đang chăm chú nghe giảng còn mình lại đang thao thao nói chuyện thì bạn ấy sẽ rất khó chịu, khó tập trung vào bài giảng. Thầy cô đang giảng bài mà phải dừng lại vì một số học sinh nói chuyện riêng thì không chỉ mất thời gian cho bài giảng mà còn gây ức chế, nản lòng và có ấn tượng không tốt với học sinh đó.

- Trên tất cả, hành vi nói chuyện riêng trong giờ học có thể nói là hành vi vô cùng vô văn hóa, thật khó có thể chấp nhận được khi nó được thực hiện bởi những người đã và đang học văn hóa trong trường lớp. Hành vi này vô văn hóa ở chỗ những người thực hiện nó không dành sự tôn trọng cho người đang truyền giảng kiến thức, cho những người xung quanh và cho chính bản thân mình.

**5. Hướng khắc phục:**

Vậy để loại bỏ hiện tượng nói chuyện riêng trong lớp chúng ta phải làm như thế nào?

- Xác định mục đích chính của người học sinh là học tập từ đó có ý thức tốt hơn trong giờ học.

- Chú ý nghe giảng, hăng hái phát biểu xây dựng bài, khi bị lôi cuốn vào bài giảng của thầy cô chúng ta sẽ mất dần thói quen nói chuyện.

- Các thầy cô cũng cần xem lại phương pháp giảng dạy để học sinh dễ hiểu bài, gây được sự hứng thú hơn với học sinh.

- Có biện pháp nhắc nhở xử phạt nghiêm khắc của cán bộ lớp, giáo viên chủ nhiệm và thái độ đấu tranh của các bạn học sinh trong lớp – những người không nói chuyện cũng sẽ khiến hiện tượng này dần biến mất trong lớp học.

**C. KẾT BÀI:**

- Khẳng định lại tác hại

- Liên hệ rút ra bài học cho bản thân.

**Đề bài 4: Trong nhiều năm trở lại đây, vấn đề tai nạn giao thông đang là điểm nóng thu hút nhiều sự quan tâm của dư luận bởi mức độ thiệt hại về vấn đề này gây ra. Em hãy viết một bài văn nghị luận nêu suy nghĩ của em về vấn đề này.**

**Hướng dẫn làm bài**

**A. MỞ BÀI:** Dẫn dắt giới thiệu vấn đề nghị luận

**B. THÂN BÀI:**

**1.Giải thích, nêu vấn đề:**

 Tai nạn giao thông là các vụ tai nạn xảy ra trong quá trình tham gia giao thông của con người. Trong nhiều năm trở lại đây, vấn đề tai nạn giao thông là điểm nóng thu hút sự quan tâm của dư luận bởi mức độ thiệt hại mà vấn đề này gây ra.

2. Bàn luận:

- Tai nạn giao thông ở nước ta diễn ra hàng ngày hàng giờ trên cả nước, bình quân có khoảng 33 đến 34 người chết và bị thương/ 1ngày. Trong đó có không ít các bạn học sinh, sinh viên là lại nhân hoặc là thủ phạm gây ra các vụ tai nạn giao thông.

- Tai xảy ra nhiều là bởi ý thức tham gia giao thông của người dân còn hạn chế, thiếu hiểu biết và không chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ giao thông (lạng lách, đánh võng, vượt đèn đỏ, coi thường việc đội mũ bảo hiểm...) ; thiếu hiểu biết về các quy định an toàn giao thông (lấy trộm ốc vít đường ray, chiếm dụng lòng đường ...)

 - Tai nạn giao thông còn do những nguyên nhân khách quan như sự hạn chế về cơ sở vật chất ( chất lượng đường thấp, xe cộ không đảm bảo an toàn, do thiên tai khốc liệt ( lũ lụt, sạt lở đất ...)

- Hậu quả của tai nạn giao thông gây nên nhiều thiệt hại về người và của, để lại những thương tật vĩnh viễn cho các nạn nhân và hậu quả nặng nề cho cả cộng đồng; gây đau đớn, mất mát, thương tâm cho người thân, xã hội ...

- Là HS,cần tích cực tham gia học tập Luật giao thông đường bộ ở trường lớp. Ngoài ra, bản thân mỗi người phải tìm hiểu, nắm vững thêm các luật lệ và quy định đảm bảo an toàn giao thông; chấp hành nghiêm chỉnh quy định về an toàn giao thông : không lạng lách đánh võng trên đường đi, không đi xe máy khi chưa có bằng lái, không vượt đèn đỏ, đi đúng phần đường, dừng đỗ đúng quy định, khi rẽ ngang hoặc dừng phải quan sát cẩn thận và có tín hiệu báo hiệu cho người sau biết, đi chậm và quan sát cẩn thận khi qua ngã tư ...

3. Mở rộng: Khẳng định tai nạn giao thông là vấn đề đáng quan tâm của tất cả mọi người người; phán những người chỉ có ý thức tốt khi tham gia giao thông, chưa có ý thức tìm hiểu Luật giao thông đường bộ.

4. Bài học nhận thức và hành động:

Tuổi trẻ học đường với tư cách là chủ nhân tương lai của đất nước, là thế hệ tiên phong trong nhiều lĩnh vực, có sức khỏe, có tri thức... cần có những  suy nghĩ đúng đắn và gương mẫu thực hiện những giải pháp thiết thực để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông

**C. KẾT BÀI:** Rút ra bài học, liên hệ bản thân.

**3. Củng cố:**

GV chốt lại kiến thức cần nắm trong buổi học.

**4. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:**

* Học bài, nắm chắc kiến thức văn bản và kiến thức Tiếng Việt vừa ôn tập
* Chuẩn bị nội dung ôn tập buổi sau: Văn bản: ***Trái đất – cái nôi của sự sống*** và ***Nhận biết đặc điểm và chức năng văn bản, đoạn văn.***